| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ LONG XUYÊN**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 147/2025/DS-ST
Ngày: 29/5/2025
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố tài sản"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN-TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Hùng Bích và ông Lê Thành Thật

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Quốc Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Ngọc Minh C - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 175/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2025/QĐXXST–DS ngày 15 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 232/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần K2;

Địa chỉ: Số D - D - D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang;

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Hồng M - chức vụ: Quyền Tổng giám đốc;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Hữu Đ - chức vụ: Giám đốc chi nhánh A;

*Người được ủy quyền lại:* Ông Nguyễn Quốc D - chức vụ: Cộng tác viên tín dụng và ông Nguyễn Thanh P - chức vụ: Phó Giám đốc Quan hệ khách hàng cá nhân tham gia tố tụng theo văn bản uỷ quyền lập ngày 05/11/2024.

Địa chỉ liên hệ: B L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Ông D có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Thị Kim X, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Lê Thị Tuyết N, sinh năm 2000;

Cùng cư trú: Số C khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết nguyên đơn do ông Nguyễn Quốc D là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K2 với bà Lê Thị Kim X và bà Nguyễn Lê Thị Tuyết N có ký kết các Hợp đồng tín dụng:

1. Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1502122/HĐTD/CC ngày 02/01/2024:

Số tiền vay: 30.000.000đ; mục đích: khác (tiêu dùng); thời hạn vay: 270 ngày (ngày giải ngân: 02/01/2024, ngày đến hạn: 28/9/2024); lãi suất: 16%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả: 10% số tiền lãi chậm trả; hình thức thanh toán: Gốc và lãi vay trả định kỳ hàng ngày.

Tài sản đảm bảo theo hợp đồng nêu trên: 01 xe Honda – Click 125l; biển số 67E1-189.78; (theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 114069 do Công an tỉnh A cấp ngày 18/6/2019).

2. Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1502124/HĐTD/CC ngày 02/01/2024:

Số tiền vay: 10.000.000đ; mục đích: khác (tiêu dùng); thời hạn vay: 270 ngày (ngày giải ngân: 02/01/2024, ngày đến hạn: 28/9/2024); lãi suất: 16%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả: 10% số tiền lãi chậm trả; hình thức thanh toán: Gốc và lãi vay trả định kỳ hàng ngày.

Tài sản đảm bảo theo hợp đồng nêu trên: Vay tín chấp.

Trong quá trình vay vốn, bà Lê Thị Kim X và bà Nguyễn Lê Thị Tuyết N đã thanh toán được 8.449.935đồng. Sau đó, bà X và bà N đã không tiếp tục thanh toán hai khoản vay nêu trên cho ngân hàng. Tạm tính đến ngày 05/11/2024, bị đơn còn nợ ngân hàng tổng số tiền 39.575.201đồng của cả hai khoản vay.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần K2 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Kim X và bà Nguyễn Lê Thị Tuyết N phải trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/11/2024 là 39.575.201đồng (trong đó tiền nợ gốc: 32.444.350đ; tiền lãi phải trả: 3.840.165đ; tổng phạt gốc phải trả: 154.658đ; tiền phạt lãi phải trả: 3.136.028đ). Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu lãi phát từ sau ngày 05/11/2024 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ vay cho Ngân hàng. Tiếp

tục duy trì Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1502122/HĐTD/CC và số A1502124/HĐTD/CCngày 02/01/2024 để đảm bảo cho việc thi hành án.

*Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng bị đơn bà Lê Thị Kim X và bà Nguyễn Lê Thị Tuyết N đều vắng mặt. Tại phiên tòa, bà X và bà N tiếp tục vắng mặt không lý do.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K2, buộc bà Lê Thị Kim X và bà Nguyễn Lê Thị Tuyết N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 32.444.350 đồng, lãi và phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1502122/HĐTD/CC và số A1502124/HĐTD/CC, ngày 02/01/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Tiếp tục duy trì Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố để đảm bảo cho việc thi hành án. Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng TMCP K2 yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng cầm cố tài sản với bà Lê Thị Kim X và bà Nguyễn Lê Thị Tuyết N. Theo Phiếu xác minh ngày 01/4/2025 do Công an phường M cung cấp thì bà X, bà N cư trú tại số C, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K2 ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc D (theo Quyết định số 26/UQ-CNAG, ngày 05/11/2024), là phù hợp với quy định tại Điều 85 và Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ông D tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng theo nội dung văn bản ủy quyền.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 02/01/2024, bà Lê Thị Kim X ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ kiêm hợp đồng cầm cố số A1502122/HĐTD/CC và số A1502124/HĐTD/CC, ngày 02/01/2024; hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K2 - Chi nhánh A với bà Lê Thị Kim X, thời hạn vay là 270 ngày, lãi suất trong hạn 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, phương thức vay trả góp, hình thức trả góp nợ gốc và lãi tiền vay hàng ngày từ ngày 02/01/2024 đến ngày 28/9/2024. Quá trình thực hiện, bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà X cùng bà N là con ruột bà X phải có trách nhiệm trả nợ như trên.

Trong suốt quá trình giải quyết, bà X và bà N đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như chứng cứ do Tòa án thu thập. Bà X và bà Như K cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy bà đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thấy rằng, hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo hợp đồng. Do bà X và bà N đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ kiêm hợp đồng cầm cố số A1502122/HĐTD/CC và số A1502124/HĐTD/CC, ngày 02/01/2024; Biên bản thoả thuận gửi giữ tài sản được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K2 với bà X và bà N để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà X và bà N phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 29/5/2025 là 44.164.202 đồng, trong đó: vốn 32.444.350 đồng, lãi trong hạn 3.840.165 đồng, lãi chậm trả 370.338 đồng, lãi nợ quá hạn 7.509.349 đồng. Bà X và bà N phải tiếp tục trả lãi, phí phát sinh kể từ ngày 30/5/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng đã ký, phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét Hợp đồng cầm cố giữa Ngân hàng TMCP K2 và bà Lê Thị Kim X, bà Nguyễn Lê Thị Tuyết N ngày 02/01/2024 để đảm bảo cho khoản vay của bà X và bà N được ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực giữa các bên. Trường hợp bà X và bà Như Không thanh toán số tiền trên, Ngân hàng TMCP K2 được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng cầm cố là 01 xe Honda – Click 125l; biển số 67E1-189.78; theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 114069 do Công an tỉnh A cấp ngày 18/6/2019 cho bà Lê Thị Kim X, phù hợp với quy định tại các Điều 309, 310, 315 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc buộc bà X và bà N phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 29/5/2025 là 44.164.202 đồng, trong đó: vốn 32.444.350 đồng, lãi trong hạn 3.840.165 đồng, lãi chậm trả 370.338 đồng, lãi nợ quá hạn 7.509.349 đồng, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Kim X, bà Nguyễn Lê Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ngân hàng TMCP K2 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 309, 310, 315 và Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Các Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K2.

Buộc bà Lê Thị Kim X, bà Nguyễn Lê Thị Tuyết N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K2 số tiền tính đến ngày 29/5/2025 là 44.164.202 đồng (Bốn mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi bốn nghìn, hai trăm lẻ hai đồng), trong đó: vốn gốc là 32.444.350 đồng, lãi trong hạn là 3.840.165 đồng, lãi chậm trả là 370.338 đồng, lãi nợ quá hạn là 7.509.349 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (30/5/2025), bà Lê Thị Kim X, bà Nguyễn Lê Thị Tuyết N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà X và bà Như K thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là 01 (một) xe mô tô Honda; nhãn hiệu Click 125l; biển kiểm soát số 67E1-189.78 Giấy chứng nhận Đăng ký xe mô tô, gắn máy số 114069 do Phòng C1 - Công an tỉnh A cấp ngày 18/6/2019 cho bà Lê Thị Kim X để thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Kim X, bà Nguyễn Lê Thị Tuyết N phải chịu 2.208.210 đồng (Hai triệu, hai trăm lẻ tám nghìn, hai trăm mười đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K2 số tiền 989.000 đồng (Chín trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002392 ngày 28/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.Long Xuyên
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Tuyết K1**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Kiên**